

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 183/2021/HNGĐ – ST

Ngày: 16 – 9 – 2021

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Tân

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 280/2021/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 281/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 301/2021/QĐST – HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021 và Thông báo số 559/TB – TA ngày 16 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số X/Y, khóm A, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành T2, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số X/Y, khóm A, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 14/4/2021 và tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T1 trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thành T2 được người thân mai mối và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M ngày 03/10/2006. Hôn nhân lần thứ nhất của vợ chồng. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống hạnh phúc được 01 năm thì xảy ra bất hòa. Nguyên nhân do ông T2 thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập vợ, không chăm lo cho con, cờ bạc nên bà ãm con về nhà cha mẹ ruột ở. Bà và con ở nhà cha mẹ ruột được 04 năm thì ông T2 có đến năn nỉ để vợ chồng đoàn tụ và vì thương con nên bà đã đồng ý

sống lại được 07 năm. Trong thời gian đó, ông T2 không có gì thay đổi mà còn vũ phu hơn. Bà nhiều lần nhờ anh chị bên chồng khuyên lơn nhưng ông T2 vẫn không có biến chuyển. Đến cuối năm 2017, ông T2 nhậu say xỉn, kiếm chuyện đuổi đánh bà nên bà dắt con về quê ở đến nay. Sau đó, ông T2 cũng có gọi điện thoại xin lỗi nhưng bà đã quyết lòng và bản thân nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với ông T2 nên bà gửi đơn ly hôn.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng bà có 02 (hai) con chung chưa trưởng thành tên Nguyễn Tuấn K sinh ngày 20/8/2006 và Nguyễn Tuấn A sinh ngày 26/4/2013. Bé K đang sống ổn định với ông T2 và ông bà nội từ khi bà đi đến nay, do đó bà đồng ý để bé K tiếp tục sống với cha. Bé A thì sống với bà từ năm 2017 đến nay nên khi ly hôn bà mong muốn được nuôi dưỡng bé A và không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Thành T2 là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại số X/Y, khóm A, phường M, thành phố Long Xuyên. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[2] Xét thấy, mặc dù ông T2 đã nhận trực tiếp các văn bản của Tòa án nhưng tại phiên tòa hôm nay ông tiếp tục vắng mặt lần thứ hai, không lý do. Bà T1 có đơn đề ngày 29/6/2021 về việc đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Thành T2 tự nguyện tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường M cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 166/2012 quyền số 01/2006 ngày 03/10/2006, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Bà T1 cho rằng, quá trình sống chung vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra xung đột, không có biện pháp khắc phục, ông bà tự ly thân từ tháng năm 2017 đến nay. Phía ông T2, mặc dù được Tòa án tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng nhưng ông vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của bà T1 và không đến tham gia hòa giải. Như vậy, ông T2 đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc ông không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

[5] Xét thấy, bà T1 và ông T2 không còn quan tâm lẫn nhau, mục đích hôn nhân giữa ông bà không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà T1 được ly hôn ông T2.

[6] Về con chung: Căn cứ bản sao giấy khai sinh số 344/2012 quyền số 02/2006 và bản sao giấy khai sinh số 193/2013 quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường M cấp cho người được khai sinh thể hiện giữa bà T1 và ông T2 có 02 con chung chưa trưởng thành tên Nguyễn Tuấn K sinh ngày 20/8/2006 và Nguyễn Tuấn A sinh ngày 26/4/2013. Xét thấy, cháu A đang sống ổn định với bà T1 và có nguyện vọng được sống với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Bà T1 không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con.

[7] Đối với con chung là cháu K, bà T1 và ông T2 không cung cấp được nguyện vọng của cháu khi cha mẹ ly hôn. Tuy nhiên, theo bà T1 trình bày, cháu T2 K sống với ông T2, được ông T2 trực tiếp chăm sóc từ năm 2017 đến nay. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu K, để ổn định cuộc sống, tâm lý cho cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu K cho ông T2 tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Do không có ý kiến của ông T2 về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ý kiến của ông T2 về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến. Sau này, các bên phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[9] **Về án phí:** Bà T1 phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà T1 đã nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002766 ngày 23/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, bà T1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 176, Điều 179, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1 được ly hôn ông Nguyễn Thành T2.

- **Về con chung:** Bà T1 và ông T2 có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Tuấn K sinh ngày 20/8/2006 và Nguyễn Tuấn A sinh ngày 26/4/2013. Bà T1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Tuấn A. Ông T2 không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T1 không yêu cầu.

Ông T2 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Tuấn K.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tuấn K: Không xem xét.

Bà T1 và ông T2 cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho nhau được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không xem xét.

Về án phí: Bà T1 phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà T1 đã nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002766 ngày 23/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, bà T1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà T1 và ông T2 được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- UBND phường M;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phạm Xuân Khanh